

Số: *136* /QĐ-CTCP397

Mạo Khê, ngày *16* tháng *01* năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 2682/QĐ-CTCP397 ngày 19/12/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Quyết định số 2746/QĐ-CTCP397 ngày 25/12/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Quyết định số 2776/QĐ-CTCP397 ngày 29/12/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt HSMT Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Thông báo số 2789/TB-CTCP397 ngày 29/12/2025 của Công ty cổ phần 397 “Về việc mời thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các

loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Tờ trình ngày 14/01/2026 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 15/01/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026.

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04) thuộc kế hoạch mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026, với những nội dung sau:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua sắm vật tư tụy ô thủy lực, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT04).

- Tên nhà thầu trúng thầu: **Công ty TNHH máy công trình Việt Kom.**

- Địa chỉ: Số 111 Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

- Mã số thuế: 0102017210

- Giá trị trúng thầu: **4.841.021.400 đồng.**

Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm bốn mươi một triệu, không trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT và các thuế, phí khác theo quy định.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 347 ngày

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 407 ngày.

- Địa điểm thực hiện gói thầu: Kho vật tư, Công ty cổ phần 397 - khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Giao cho Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định đấu thầu: Tổ chức đăng tải thông tin và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ trưởng Tổ chuyên gia, Tổ trưởng Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGD Huyện (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. C04.



Kiều Văn Sính

Phụ lục

**PHÊ DUYỆT KQLCNT GÓI THẦU: MUA SẴM VẬT TƯ TUY Ô THỦY LỰC, ĐẦU CÚT CÁC LOẠI
PHỤC VỤ SẢN XUẤT NĂM 2026 (GT04)**

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-CTCP397 ngày...../...../2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ	Năm SX	Bảo hành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5) x (4)	(7)	(8)	(9)
I	Hàng hóa chịu thuế 8%							
1	Ông dẫn dầu thủy lực 1 1/2" 2SN (hàng chất lượng cao)	mét	145	1.259.000	182.555.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
2	Ông dẫn dầu thủy lực 1 1/2" 4SH (hàng chất lượng cao)	mét	50	1.971.000	98.550.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
3	Ông dẫn dầu thủy lực 1 1/2" R15 (hàng chất lượng cao)	mét	115	2.520.000	289.800.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
4	Ông dẫn dầu thủy lực 1 1/4" 2SN (hàng chất lượng cao)	mét	145	960.000	139.200.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
5	Ông dẫn dầu thủy lực 1 1/4" 856 4SH (hàng chất lượng cao)	mét	40	1.657.000	66.280.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
6	Ông dẫn dầu thủy lực 1 1/4" R15 (hàng chất lượng cao)	mét	115	1.983.000	228.045.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
7	Ông dẫn dầu thủy lực 1/2" 2SN (hàng chất lượng cao)	mét	115	275.000	31.625.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
8	Ông dẫn dầu thủy lực 1/2" 856 4SP (hàng chất lượng cao)	mét	145	529.000	76.705.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
9	Ông dẫn dầu thủy lực 1/4" 1SN (hàng chất lượng cao)	mét	20	182.000	3.640.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
10	Ông dẫn dầu thủy lực 1/4" 2SN (hàng chất lượng cao)	mét	195	202.000	39.390.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
11	Ông dẫn dầu thủy lực 1" 2SN (hàng chất lượng cao)	mét	50	645.000	32.250.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
12	Ông dẫn dầu thủy lực 1" 856 4SH (hàng chất lượng cao)	mét	175	980.000	171.500.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
13	Ông dẫn dầu thủy lực 2" 2SN (hàng chất lượng cao)	mét	70	1.675.000	117.250.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
14	Ông dẫn dầu thủy lực 2" 4SH (hàng chất lượng cao)	mét	60	2.761.000	165.660.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
15	Ông dẫn dầu thủy lực 2" chịu nhiệt (hàng chất lượng cao)	mét	40	1.811.000	72.440.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
16	Ông dẫn dầu thủy lực 3/4" 1AT (hàng chất lượng cao)	mét	50	308.000	15.400.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
17	Ông dẫn dầu thủy lực 3/4" 2SN (hàng chất lượng cao)	mét	195	463.000	90.285.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
18	Ông dẫn dầu thủy lực 3/4" 856 4SH (hàng chất lượng cao)	mét	145	640.000	92.800.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
19	Ông dẫn dầu thủy lực SAE 100R6 7/8" (hàng chất lượng cao)	mét	20	219.000	4.380.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
20	Ông dẫn dầu thủy lực SAE 100R6 3/8" (hàng chất lượng cao)	mét	100	96.000	9.600.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
21	Ông dẫn dầu thủy lực SAE 100R6 1.1/2" (hàng chất lượng cao)	mét	30	283.000	8.490.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
22	Ông dẫn dầu thủy lực 5/8" 1SN (hàng chất lượng cao)	mét	25	281.000	7.025.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
23	Ông dẫn dầu thủy lực 3/8" 1SN (hàng chất lượng cao)	mét	50	121.000	6.050.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
24	Ông dẫn dầu thủy lực 3/8" 2SN (hàng chất lượng cao)	mét	650	239.000	155.350.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
25	Ông dẫn dầu thủy lực 5/8" 2SN (hàng chất lượng cao)	mét	90	377.000	33.930.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
26	Ông dẫn dầu thủy lực 5/8" 4SH (hàng chất lượng cao)	mét	135	493.000	66.555.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
I	Cộng tiền hàng (I)				2.204.755.000			
	Thuế GTGT 8%				176.380.400			
	Tổng cộng giá trị hàng hóa (I) đã bao gồm thuế GTGT				2.381.135.400			
II	Hàng hóa chịu thuế 10%							
27	Đầu cút ông dẫn dầu 1/4" góc 90 + Vô áo 1/4" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	100	124.000	12.400.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ	Năm SX	Bảo hành
28	Đầu cắt ống dẫn dầu 1/4" góc 45 + Vò áo 1/4" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	50	123.000	6.150.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
29	Đầu cắt ống dẫn dầu 1/4" + Vò áo 1/4" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	145	119.000	17.255.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
30	Đầu cắt ống dẫn dầu 3/8" góc 90 + Vò áo 3/8" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	115	131.000	15.065.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
31	Đầu cắt ống dẫn dầu 3/8" + Vò áo 3/8" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	850	128.000	108.800.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
32	Đầu cắt ống dẫn dầu 3/8" góc 45+ Vò áo 3/8" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	60	131.000	7.860.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
33	Đầu cắt ống dẫn dầu 1/2" góc 90 + Vò áo 1/2" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	90	145.000	13.050.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
34	Đầu cắt ống dẫn dầu 1/2" góc 90 + Vò áo 1/2" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	80	138.000	11.040.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
35	Đầu cắt ống dẫn dầu 1/2" + Vò áo 1/2" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	100	158.000	15.800.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
36	Đầu cắt ống dẫn dầu 1/2" + Vò áo 1/2" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	70	138.000	9.660.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
37	Đầu cắt ống dẫn dầu 1/2" góc 45 + Vò áo 1/2" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	80	146.000	11.680.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
38	Đầu cắt ống dẫn dầu 1/2" góc 45 + Vò áo 1/2" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	50	140.000	7.000.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
39	Đầu cắt ống dẫn dầu 5/8" góc 90 + Vò áo 5/8" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	100	194.000	19.400.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
40	Đầu cắt ống dẫn dầu 5/8" + Vò áo 5/8" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	115	184.000	21.160.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
41	Đầu cắt ống dẫn dầu 5/8" góc 90 + Vò áo 5/8" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	115	233.000	26.795.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
42	Đầu cắt ống dẫn dầu 5/8" + Vò áo 5/8" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	115	203.000	23.345.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
43	Đầu cắt ống dẫn dầu 5/8" góc 45 + Vò áo 5/8" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	50	136.000	6.800.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
44	Đầu cắt ống dẫn dầu 5/8" góc 45 + Vò áo 5/8" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	60	187.000	11.220.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
45	Đầu cắt ống dẫn dầu 3/4" góc 90 + Vò áo 3/4" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	125	207.000	25.875.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
46	Đầu cắt ống dẫn dầu 3/4" góc 90 + Vò áo 3/4" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	125	285.000	35.625.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
47	Đầu cắt ống dẫn dầu 3/4" + Vò áo 3/4" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	125	212.000	26.500.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
48	Đầu cắt ống dẫn dầu 3/4" + Vò áo 3/4" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	115	218.000	25.070.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
49	Đầu cắt ống dẫn dầu 3/4" góc 45 + Vò áo 3/4" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	100	175.000	17.500.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
50	Đầu cắt ống dẫn dầu 3/4" góc 45 + Vò áo 3/4" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	100	221.000	22.100.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
51	Đầu cắt ống dẫn dầu 1" góc 90 + Vò áo 1" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	80	220.000	17.600.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
52	Đầu cắt ống dẫn dầu 1" góc 90 + Vò áo 1" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	155	496.000	76.880.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
53	Đầu cắt ống dẫn dầu 1" + Vò áo 1" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	115	260.000	29.900.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
54	Đầu cắt ống dẫn dầu 1" + Vò áo 1" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	155	294.000	45.570.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
55	Đầu cắt ống dẫn dầu 1" góc 45 + Vò áo 1" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	100	298.000	29.800.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
56	Đầu cắt ống dẫn dầu 1" góc 45 + Vò áo 1" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	100	318.000	31.800.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
57	Đầu cắt ống dẫn dầu 1"1/4 góc 90 + Vò áo 1"1/4 R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	140	376.000	52.640.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
58	Đầu cắt ống dẫn dầu 1"1/4 + Vò áo 1"1/4 R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	160	408.000	65.280.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
59	Đầu cắt ống dẫn dầu 1"1/4 góc 45 + Vò áo 1"1/4 R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	105	423.000	44.415.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
60	Đầu cắt ống dẫn dầu 1"1/4 góc 90 + Vò áo 1"1/4 R13 (hàng chất lượng cao)	Bộ	115	721.000	82.915.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
61	Đầu cắt ống dẫn dầu 1"1/4 + Vò áo 1"1/4 R13 (hàng chất lượng cao)	Bộ	115	701.000	80.615.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ	Năm SX	Bảo hành
62	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 góc 45 + Vỏ áo 1"1/4 R13 (hàng chất lượng cao)	Bộ	55	706.000	38.830.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
63	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 góc 90 + Vỏ áo 1"1/4 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	160	603.000	96.480.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
64	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 + Vỏ áo 1"1/4 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	160	577.000	92.320.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
65	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/4 góc 45 + Vỏ áo 1"1/4 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	75	517.000	38.775.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
66	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 90 + Vỏ áo 1"1/2 R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	70	846.000	59.220.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
67	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 + Vỏ áo 1"1/2 R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	70	925.000	64.750.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
68	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 45 + Vỏ áo 1"1/2 R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	40	950.000	38.000.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
69	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 90 + Vỏ áo 1"1/2 R13 (hàng chất lượng cao)	Bộ	90	1.204.000	108.360.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
70	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 + Vỏ áo 1"1/2R13 (hàng chất lượng cao)	Bộ	115	1.001.000	115.115.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
71	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 45 + Vỏ áo 1"1/2 R13 (hàng chất lượng cao)	Bộ	35	1.109.000	38.815.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
72	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 90 + Vỏ áo 1"1/2 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	155	731.000	113.305.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
73	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 + Vỏ áo 1"1/2 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	195	706.000	137.670.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
74	Đầu cút ống dẫn dầu 1"1/2 góc 45 + Vỏ áo 1"1/2 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	50	693.000	34.650.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
75	Đầu cút ống dẫn dầu 2" góc 90 + Vỏ áo 2" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	60	945.000	56.700.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
76	Đầu cút ống dẫn dầu 2" góc 90 + Vỏ áo 2" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	40	1.148.000	45.920.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
77	Đầu cút ống dẫn dầu 2" + Vỏ áo 2" 2AT (hàng chất lượng cao)	Bộ	65	905.000	58.825.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
78	Đầu cút ống dẫn dầu 2" + Vỏ áo 2" R12 (hàng chất lượng cao)	Bộ	40	1.099.000	43.960.000	Trung Quốc	2024-2026	3 tháng
II	Cộng tiền hàng (II)				2.236.260.000			
	Thuế GTGT 10%				223.626.000			
	Tổng cộng giá trị hàng hóa (I) đã bao gồm thuế GTGT				2.459.886.000			
III	Giá trị hợp đồng							
	Cộng tiền hàng (I+II)				4.441.015.000			
	Thuế GTGT (I+II)				400.006.400			
	TỔNG CỘNG				4.841.021.400			
Bảng chữ: Bốn tỷ, tám trăm bốn mươi một triệu, không trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm đồng chẵn./.								